TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN AN MINH** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 27/02/2025
"V/v ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN AN MINH, TỈNH KIÊN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Bùi Văn Bảnh

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Tấn Để

Bà Hồ Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Cao Vũ Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang tham gia phiên tòa: Ông Phạm Hoàng Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 02 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện An Minh, tỉnh Kiên Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 170/2024/TLST-HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2024 về "ly hôn".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 04/2025/QĐXXST- HNGĐ ngày 10 tháng 01 năm 2025, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị **Huỳnh Thị C**, sinh năm 1974

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh **Phùng Văn N**, sinh năm 1971

Địa chỉ: ấp B, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Huỳnh Thị C trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Năm 1995 chị và anh Phùng Văn N chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương. Tuy nhiên do không hiểu biết nên anh chị không đăng ký kết hôn theo quy định. Sau

khi kết hôn, anh chị sống tại nhà cha mẹ hai bên tại ấp B, xã Đ, huyện A, tỉnh Kiên Giang. Anh chị sống hạnh phúc được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tình không phù hợp, anh N không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con. Vì thương con nên chị cố gắng nhẫn nhịn, cho cơ hội hàn gắn nhiều lần nhưng không có kết quả, mâu thuẫn vợ chồng ngày càng gay gắt hơn, anh chị đã ly thân từ năm 2018 đến nay. Hiện nay các con đã trưởng thành, có cuộc sống riêng, chị và anh N không còn tình cảm với nhau, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể sống chung và xây dựng gia đình nên chị làm đơn xin ly hôn để mỗi người có cuộc sống riêng. Do anh chị không đăng ký kết hôn nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh N là vợ chồng.

Về con chung: Chị và anh N có 02 người con chung là Phùng Ngọc H, sinh năm 1996 và Phùng Văn K, sinh năm 2000. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Chị xác định không có nợ chung, không tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Bị đơn anh Phùng Văn N vắng mặt, không có lời trình bày.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện An Minh có ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình, riêng bị đơn anh N vắng mặt tại phiên họp và phiên tòa lần thứ 2 mà không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về hướng giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, không công nhận chị C và anh N là vợ chồng; về con chung đã thành niên, tự lao động sinh sống được nên không xem xét. Về cấp dưỡng, tài sản chung, nợ chung không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án tiến hành tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh N vắng mặt, không tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp,

tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải. Tòa án triệu tập tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng anh N vắng mặt lần thứ hai không có lý do là chưa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Do đó, Hội đồng xét xử thống nhất áp dụng điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt anh N.

[2] Về quan hệ hôn nhân, chị C và anh N tìm hiểu, sau đó có tổ chức đám cưới theo phong tục, chung sống với nhau trên cơ sở tự nguyện từ năm 1995 nhưng đến nay không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Xét thấy, mặc dù đủ điều kiện kết hôn theo quy định nhưng anh chị không đăng ký kết hôn là vi phạm Điều 9 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị C cho rằng anh chị chung sống với nhau được vài năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do anh chị không hòa hợp nhau, suy nghĩ khác nhau và thường hay cự cãi. Anh N không lo làm ăn, không chăm sóc vợ con. Còn anh N vắng mặt, không có ý kiến, không tham gia các phiên họp và phiên tòa sơ thẩm. Hội đồng xét xử xét thấy, quá trình chung sống với nhau chị C và anh N có nhiều mâu thuẫn, bất đồng quan điểm. Ban lãnh đạo ấp B cũng xác nhận anh chị đã ly thân. Từ khi nộp đơn khởi kiện ly hôn đến nay chị C đều không có ý định cùng nhau xây dựng gia đình với anh N, chị vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án không công nhận chị và anh N là vợ chồng. Xét thấy, chị C và anh N chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn nên không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 14 và Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị C và anh N.

[4] Về con chung: Chị C xác định chị và anh N có 02 người con chung là Phùng Ngọc H, sinh năm 1996 và Phùng Văn K, sinh năm 2000. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về cấp dưỡng, không ai yêu cầu nên Tòa án không xem xét.

[5] Về nợ chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[7] Về án phí, nguyên đơn chị C phải chịu án phí ly hôn theo quy định là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 266, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 9, Điều 14, Điều 16, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Huỳnh Thị C và anh Phùng Văn N.

2. Về con chung: Chị C và anh N có 02 người con chung là Phùng Ngọc H, sinh năm 1996 và Phùng Văn K, sinh năm 2000. Các con đã thành niên, tự lao động sinh sống được, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

3. Về nợ chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

4. Về tài sản chung: Không phát sinh tranh chấp, không yêu cầu xem xét, giải quyết.

5. Về án phí sơ thẩm: Chị C phải chịu án phí ly hôn là 300.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo lai thu số 0005125 ngày 09/10/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện An Minh.

6. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKSND huyện An Minh;
- Chi cục THADS huyện An Minh;
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Văn Bảnh